

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Ngoại Tiêu hóa

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: PHẠM DUY HIỀN

2. Ngày tháng năm sinh: 20/04/1972; Nam ☒; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Xã Vĩnh Lại huyện Lâm Thao tỉnh Phú Thọ.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú(số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): ***Số 26/66 phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội***

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Phạm Duy Hiền - Bệnh viện Nhi Trung ương

Số 18/879 La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0913304558;

Địa chỉ E-mail: duyhien1972@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 1990- 1996: học bác sỹ đa khoa tại trường đại học Y Hà Nội;
- Từ 1997 đến 2000: học bác sỹ nội trú chuyên ngành Ngoại khoa tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức
- Từ 2001 đến 2003: bác sỹ điều trị tại bệnh viện hữu nghị Việt Đức

- Từ 2004 đến 2012: bác sỹ điều trị tại khoa Ngoại bệnh viện Nhi Trung Ương.
- Từ 2012 đến 2015: Phó trưởng khoa Ngoại bệnh viện Nhi Trung Ương
- Từ 2015 đến 7/2019: Trưởng khoa Ngoại bệnh tổng hợp viện Nhi Trung Ương..
- Từ 7/2019 đến nay: Phó giám đốc , trưởng khoa Ngoại bệnh viện Nhi Trung Ương.

Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc, trưởng khoa Ngoại tổng hợp, giám đốc trung tâm Phẫu thuật nội soi bệnh viện Nhi Trung Ương

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó giám đốc bệnh viện Nhi Trung Ương
- Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Nhi trung ương
 - o Địa chỉ cơ quan: số 18/879 La Thành Đống Đa Hà Nội.
 - o Điện thoại cơ quan: (84-024) 62738532; E-mail:
 - o Fax: (84-024) 62738573

-Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục : Trường Đại học Y Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: Trường Đại học Y Hà Nội 9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 31 tháng 8 năm 1996, ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 1 tháng 12 năm 2006, ngành: Y học, chuyên ngành: Ngoại khoa

Nơi cấp bằng thạc sỹ (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 09 năm 2012, ngành: Y học, chuyên ngành: Ngoại khoa

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Quân y, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng và ứng dụng phẫu thuật nội soi trong điều trị nang ống mật chủ ở trẻ em
- Nghiên cứu về phẫu thuật nội soi robot điều trị các bệnh lý ở trẻ em
- Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật xâm lấn tối thiểu (minimal invasive surgery) trong điều trị các bệnh lý ở trẻ em:
- Nghiên cứu về phẫu thuật điều trị các bệnh lý cấp cứu ở trẻ em
- Nghiên cứu về ghép gan ở trẻ em

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 Học viên thạc sĩ bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ
- Đã hướng dẫn Bác sĩ chuyên khoa cấp II bảo vệ thành công luận văn BSCCKII
- Đã hướng dẫn Bác sĩ đa khoa bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp
- Đã tham gia hoàn thành 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước
- Đã hoàn thành 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở
- Đã công bố 70 bài báo khoa học, trong đó có 08 bài báo khoa học quốc tế uy tín

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tha thiết yêu nghề, hết lòng thương yêu chăm sóc giáo dục sinh viên.
- Là một cán bộ giảng dạy mẫu mực, có tinh thần trách nhiệm cao, đồng thời là một cán bộ hết lòng vì công việc vì sự phát triển bền vững Bệnh viện Nhi Trung ương cũng như của Bộ môn Ngoại, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị
- Quan hệ với đồng nghiệp tốt, với sinh viên đúng mực. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho sinh viên và đồng nghiệp.
- Chấp hành đầy đủ và đúng mọi nội quy, quy định trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Nhà trường và các qui định của Bệnh viện.
- Có đầy đủ giáo trình, giáo án, chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp. Lên lớp đúng giờ.

- Giảng dạy có chất lượng tốt, đạt hiệu quả rõ rệt, thể hiện có nhiều sinh viên giỏi. Đã kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học cũng như phục vụ bệnh nhân.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị, Nhà trường và Bệnh viện.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015						346	346/173/170
2	2015-2016						346	346/173/170
3	2016-2017						346	346/173/170
3 năm học cuối								
4	2017-2018			1			346	346/243/170
5	2018-2019			1			346	346/243/135
6	2019-2020		1				274	274/154/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐ ; tại nước: ; Từ năm..... đến năm:
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; Tại nước:
Năm:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội số bằng: 73966, năm cấp: 1997

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Châu Văn Việt	NCS			x	2015-2019	Đại học Y Hà Nội	14/4/2020
2	Hoàng Hữu Kiên		HVCH	x		2017-2018	Đại học Y Hà Nội	03/12/2018
4	Trần Văn Trung		HVCH	x		2018-2019	Đại học Y Hà Nội	16/12/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS:

.....

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ luận án TS					
1	Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật nội soi một đường rạch điều trị một số bệnh ở trẻ em	Tham gia	KC.10.42/11-15	2013-2016	22-6-2016/ Đạt
2	Nghiên cứu ứng dụng Robot trong phẫu thuật	Tham gia	ĐTĐL.CN-32/15	2015-2019	31-5-2019/Đạt

	nội soi điều trị một số bệnh ở trẻ em				
3	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng bẩm sinh ở trẻ em.	CN	Đề tài cơ sở	2017-2019	1-8-2019/Giỏi
4	Nghiên cứu kết quả phẫu thuật nội soi điều trị nang ống mật chủ tại Bệnh viện Nhi Trung Ương.	CN	Đề tài cơ sở	2017-2019	1-11-2019/Khá

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố.

T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
1	U nhung mao tá tràng: chẩn đoán và điều trị	06		Y học thực hành			374(12): 44-47	1999
2	U cơ trơn ác tính ruột non: chuẩn đoán và điều trị	04		Y học thực hành			376(2): 3-5	2000
3	U lympho ác tính ruột non chẩn đoán và điều trị	04		Y học thực hành			381(5): 5-8	2000
4	Đặc điểm lâm sàng và kết quả điều trị ung thư biểu mô ruột non	03		Y học thực hành			386(8): 19-22	2000
5	Thời gian sống của nhóm bệnh nhân vàng da tắc mật do các khối u vùng tá tràng đầu tụy nhưng không mổ	06		Y học thực hành			387(9): 36-40	2000

6	Nghiên cứu giải phẫu tĩnh mạch mạc treo tràng trên và hợp lưu tĩnh mạch cửa ứng dụng lâm sàng	05		Y học thực hành			397(5): 4-7	2001
7	Điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng phẫu thuật một thì qua đường sau trực tràng giữ nguyên cơ thắt ở sơ sinh	03		Tạp chí thông tin Y dược			2-4	2005
8	Điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng phẫu thuật một thì qua đường sau trực tràng	03		Tạp chí nghiên cứu y học			38(5): 268-270	2005
9	Laparoscopic and transanal approach for rectal atresia: a novel alternative.	02			Journal of Pediatric Surgery (IF : 2,1)	02	(42), 25-27	2007
10	Laparoscopic repair for choledochal cyst: lessons learned from 190 cases.	04			Journal of Pediatric Surgery (IF : 2,1)	06	(45): 540-544	2010
11	Kết quả điều trị nang ống mật chủ bằng phẫu thuật nội soi cắt nang, nối ống gan chung hồng tràng kiểu Roux-en-Y	05	X	Y học thực hành			705(2): 73-76	2010
12	So sánh kết quả sớm giữa hai phương pháp mổ trong điều trị bệnh lý nang ống mật chủ ở trẻ em,	03		Y học thành phố Hồ Chí Minh			15(3): 106-110	2011
13	Kết quả điều trị sớm sau mổ 52 trường hợp	03	X	Tạp chí Y dược học			132-137	2011

	teo ruột non bẩm sinh bằng kỹ thuật nối ruột tận tận sau tạo hình nhỏ bớt đầu trên			quân sự số chuyên đề ngoại bụng				
14	Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật nội soi điều trị bệnh tắc tá tràng	04		Tạp chí Y- dược học quân sự số chuyên đề ngoại bụng			83-86	2011
15	Is the laparoscopic oper ation as safe as open o peration for choledochal cyst in children?	03			Journal of laparoe ndosco pic & advanc ed surgica l techniq ues (IF : 1,4)	06	21(4), 367-370	2011
16	Early and Intermediate Outcomes of Laparoscopic Surgery for Choledochal Cysts with 400 Patients	05			Journal of laparoe ndosco pic & advanc ed surgica l techniq ues (IF: 1,066)	10	6(22): 599-603	2012
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ								
17	Kết quả lâu dài điều trị nang ống mật chủ bằng phẫu thuật nội soi cắt nang, nối ống gan chung hồng tràng kiểu Roux-en-Y	04	X	Y học Việt Nam			425(2): 212-218	2014
18	Ứng dụng thành công phẫu thuật nội soi	04	X	Y học Việt Nam			425(2): 219-224	2014

	ROBOT điều trị nang ống mật chủ ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Trung Ương							
19	Targeted next-generation Sequencing on Hirschsprung Disease: A pilot study Exploits DNA Pooling	15			Annals of Human genetics (IF: 2,211)		(78), 381-387	2014
20	Đánh giá kết quả bước đầu phẫu thuật nội soi robot tại bệnh viện Nhi Trung ương	06	X	Y học thành phố Hồ Chí Minh			19(5): 75-80	2015
21	Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị tắc ruột do bã thức ăn ở trẻ em bằng phương pháp phẫu thuật tại bệnh viện Nhi Trung Ương	02	X	Y học thành phố Hồ Chí Minh			20(5): 264-270	2016
22	Ứng dụng kỹ thuật lai so sánh hệ gen trong xác định biến đổi di truyền ở bệnh nhân u nguyên bào thần kinh không khuếch đại gen MYCN	12		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc Gia Hà Nội			33(2S): 109-113	2017
23	Kết quả sớm ứng dụng phẫu thuật nội soi cắt u tuyến thượng thận ở trẻ em	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam			455(Số đặc biệt): 65-71	2017
24	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn túi mật ở trẻ em: báo cáo ca bệnh	03		Tạp chí Y học Việt Nam			460(2): 44-46	2017
25	Điều trị lỗ tiểu lệch thấp thể dương vật bằng vật da- niêm mạc bao quy đầu có cuống trực ngang	04		Tạp chí y học Việt Nam			455(SĐ B): 56-60	2017

26	Kết quả bước đầu điều trị lỗ tiểu lệch thấp thê dương vật bằng vật da- niêm mạc bao quy đầu có cuống trục ngang	05		Tạp chí Y học thực hành			1040(4): 39-41	2017
27	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng viêm mù màng phổi có biến chứng tại bệnh viện Nhi Trung Ương	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam			459(2):28-31	2017
28	Đánh giá kết quả sớm phẫu thuật nội soi một lỗ trong điều trị viêm mù màng phổi có biến chứng ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung Ương	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam			460(2):13-15	2017
29	Nghiên cứu đặc điểm kỹ thuật và kết quả ban đầu của phẫu thuật nội soi một đường rạch hỗ trợ điều trị dị tật hậu môn trực tràng ở trẻ em	05		Tạp chí Y học Việt Nam			460(2):94-97	2017
30	Kết quả điều trị viêm ruột hoại tử ở trẻ sơ sinh tại bệnh viện Nhi Trung Ương	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam			461(2)4-7	2017
31	Kết quả điều trị nang ống mật chủ bằng phẫu thuật nội soi cắt nang, nối ống gan chung hồng tràng kiểu Roux-en-Y	03	X	Tạp chí nghiên cứu và thực hành nhi khoa			Số 1- tháng 8:35-42	2017
32	Phẫu thuật nội soi một đường rạch điều trị bệnh đa tiết mồ hôi tay ở trẻ em	03	X	Tạp chí nghiên cứu và thực hành nhi khoa			Số 1 tháng 8: 43-47	2017
33	Kết quả sớm phẫu thuật nội soi điều trị ruột quay dờ dang ở trẻ em	04		Tạp chí y dược học Huế			(Số đặc biệt): 31-34	2018

34	Đánh giá kết quả bước đầu của phẫu thuật nội soi điều trị thoát vị bẹn ở trẻ dưới 2 tháng tuổi tại bệnh viện Nhi trung ương	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		472(1): 36-39	2018
35	Kết quả điều trị lỗ tiểu lệch thấp thê dương vật bằng vật da- niêm mạc bao qui đầu có cuống trực ngang	04		Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh		Phụ bản tập 22 số 4: trang 6-9	2018
36	Các biến chứng của phẫu thuật nội soi cắt nang, nối ống gan chung hồng tràng kiểu Roux-en-Y điều trị nang ống mật chủ ở trẻ em	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		473(1&2):48-51	2018
37	Kết quả sớm phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng bẩm sinh ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung Ương	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		469(1&2): 1-4	2018
38	Kết quả điều trị phẫu thuật nội soi Robot cắt nang, nối ống gan chung với hồng tràng kiểu Roux-en- Y trong điều trị nang ống mật chủ ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung ương năm 2013-2016	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam		469(1&2):40-44	2018
39	Đánh giá kết quả ban đầu của phẫu thuật nội soi có sử dụng kim Neoneedle hỗ trợ điều trị thoát vị bẹn ở trẻ em	03	X	Tạp chí Y dược học Huế		(Số đặc biệt): 35-37	2018
40	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi Robot tại bệnh viện Nhi Trung Ương	07	X	Tạp chí Y học Việt Nam		474(2): 1-4	2019

41	Đánh giá kết quả điều trị vô hạch toàn bộ đại tràng bằng phương pháp Duhamel có nội soi hỗ trợ ở trẻ em	06		Tạp chí Y học Việt Nam			482(số đặc biệt): 34-38	2019
42	Kết quả bước đầu điều trị lồm ức bằng chuồng nâng ngực ở trẻ em	03		Tạp chí Y học Việt Nam			482(số đặc biệt) 104-110	2019
43	Cắt khối tá tụy điều trị u nguyên bào tụy ở trẻ em: báo cáo ca bệnh	04		Tạp chí y học Việt Nam			482(số đặc biệt) 154-158	2019
44	Phẫu thuật cắt gan điều trị u nguyên bào gan ở trẻ em	04		Tạp chí y học Việt nam			482(1): 227-230	2019
45	Một số yếu tố tiên lượng kết quả dẫn lưu mật ở bệnh nhân teo đường mật bẩm sinh sau phẫu thuật Kasai	3		Tạp chí gan mật Việt Nam			(40): 111-118	2019
46	Robotic-assisted surgery for choledochal cyst in children: early experience at Vietnam National Children's Hospital.	04	X		Pediatric Surgery International (IF : 1,476)	01	1211-1216	2019
47	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng u nguyên bào gan ở trẻ em	3	X	Tạp chí y học Việt Nam			484(2) : 220-225	2019
48	Giá trị của chỉ số PELD và APRi trong tiên lượng kết quả dẫn lưu mật sau phẫu thuật Kasai ở bệnh nhân teo mật bẩm sinh	3		Tạp chí Y học Việt Nam			484(2): 254-258	2019
49	Cắt bao quy đầu với plastibell ở trẻ em	04		Tạp chí Y học Việt Nam			485(1&2): 1-4	2019

50	Báo cáo ca bệnh: phẫu thuật tắc tá tràng phối hợp teo nhiều đoạn ruột non	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam			487(1&2): 110-112	2020
51	Đánh giá kết quả sớm phương pháp cải tiến kỹ thuật phẫu thuật nội soi điều trị ruột quay dở dang ở trẻ em	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam			487(1&2): 122-125	2020
52	Laparoscopic Ladd's procedure in neonates: a simple landmark detorsion technique.	05	X		Pediatric International(IF: 1,05)		(0):1-6	2020
53	Cystic duct anomaly and pancreaticobiliary maljunction mimicking choledochal cyst	05	X		Journal of Pediatric Surgical Case Reports(IF: 2,01)		(57)	2020
54	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân còn túi thừa Meckel có biến chứng	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			489(2): 105-109	2020
55	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân u nguyên bào thần kinh thượng thận	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			489(2): 136-140	2020
56	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân của bệnh nhân vô hạch toàn bộ đại tràng	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			489(2): 190-193	2020
57	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị túi thừa Meckel có biến chứng	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			489(2): 216-219	2020

	ở trẻ em						
58	Khối u tóc dạ dày ở trẻ em: báo cáo ca bệnh	03		Tạp chí Y học Việt Nam		489(2): 250-252	2020
59	Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị u nguyên bào thần kinh thượng thận ở trẻ em	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(1): 52-56	2020
60	Báo cáo ca bệnh: ấn tinh hoàn sang bên đối diện ở trẻ em	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(1):1 03-106	2020
61	Hình ảnh cộng hưởng từ sọ não bệnh lao màng não ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung Ương	02		Tạp chí Y học Việt Nam		490(1): 177-180	2020
62	Nhận xét kết quả điều trị thủng đường tiêu hóa ở trẻ sơ sinh	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(1):7 8-81	2020
63	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị viêm màng não do phế cầu ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung Ương năm 2015-2017	03	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(1): 207-210	2020
64	Nghiên cứu một số yếu tố liên quan đến tiên lượng nặng của viêm não Nhật Bản ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung Ương	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(2):9 3-97	2020
65	Đánh giá kết quả điều trị xoắn tinh hoàn ở trẻ em tại bệnh viện Nhi Trung Ương	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(2):4 7-49	2020
66	Báo cáo ca bệnh xoắn dạ dày cấp tính ở trẻ em	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam		490(2): 211-214	2020
67	Phẫu thuật cắt gan theo giải phẫu cho trẻ	01	X	Tạp chí Y học Việt		490(2):1 55-158	2020

	em: kinh nghiệm tại bệnh viện Nhi Trung Ương			Nam				
68	Ghép gan trên bệnh nhân Wilson: báo cáo một trường hợp tại bệnh viện Nhi Trung Ương	02	X	Tạp chí Y học Việt Nam			490(2):123-126	2020
69	Đánh giá kết quả điều trị khe hở thành bụng ngay sau đẻ bằng túi SILO tại Bệnh viện Nhi Trung ương	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam			491(1):117-120	2020
70	Đánh giá kết quả điều trị teo thực quản ở trẻ sơ sinh bằng phẫu thuật nội soi tại bệnh viện Nhi Trung Ương	01	X	Tạp chí Y học Việt Nam			491(1):187-190	2020

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29.. tháng 05. năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Phạm Duy Hiền

IN
VG